**TUẦN 2**

Thứ hai ngày 16 tháng 9 năm 2024

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 03. TUỔI NGỰA (3 tiết)**

**Tiết 1: Đọc**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Tuổi Ngựa”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp với lời nói của từng nhân vật. Nhấn giọng vào từ ngữ cần thiết đẻ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ thông qua hình ảnh chú Ngựa con.

Đọc hiểu: Nhận biết được nội dung cuộc trò chuyện của hai mẹ con, cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của bạn nhỏ về hành trình rong ruổi của chú Ngựa con và hình dung được những cảnh vật tươi đẹp của nhiều miền đất theo tưởng tượng của bạn nhỏ. HIểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Tuổi thơ có nhiều ước mơ, muốn đi đến nhiều nơi, muốn khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống…..

- Biết thể hiện tình cảm yêu thương với người thân và chia sẻ suy nghĩ, ước mơ của mình với mọi người.

**2. Năng lực chung**:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp đất nước thông qua những hoạt động cảnh vật ở nhiều miền trên đất nước.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| 1. Ôn bài cũ:   - GV cho HS lên bốc thăm đọc nối tiếp bài “Cánh đồng hoa” và nêu suy nghĩ gì về các bạn nhỏ trong câu chuyện. | | HS quan bốc thăm đọc đoạn và trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe. | |
| 1. GV cho nhóm hoạt động: Nói những điều mình biết về tên gọi của các năm (theo âm lịch)   - GV cùng trao đổi với HS trao đổi trước lớp  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa SGK tr18, dẫn dắt và giới thiệu bài đọc:    - GV dẫn dắt quan sát tranh giới thiệu khái quát về bài thơ đề vào bài mới: *Bài đọc “Tuổi ngựa” là bài thơ nói về trí tưởng tượng của me bé tuổi Ngựa. Em ước mình sẽ có thể được đến muôn nơi thế nhưng dù có đến đâu em cũng không bao giờ quên trở về với mẹ với quê hương.* | | - Nhóm thảo luận.  - HS đại diện một số nhóm lên chia sẻ  - HS quan sát tranh minh họa, lắng nghe và tiếp thu.  -Hs lắng nghe và ghi tên bài | |
| **2. Khám phá.**  - Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Tuổi Ngựa”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp với lời nói của từng nhân vật. Nhấn giọng vào từ ngữ cần thiết đẻ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ thông qua hình ảnh chú Ngựa con  - Cách tiến hành: | | | |
| 2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.  - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm ở những đoạn thơ nói lên hành trình thú vị của chú Ngựa theo trí tưởng tượng phog phú của bạn nhỏ.  - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài thơ  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV chia đoạn:  + Đoạn 1: Từ đầu đến Tuổi con là tuổi đi…  + Đoạn 2: Tiếp theo đến “Ngọn gió của trăm miền”  + Đoạn 3: Tiếp theo Khắp đồng hoa cúc dại.  + Đoạn 4: Phần còn lại  - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *triền núi đa, loá màu trắng….*  - GV hướng dẫn luyện đọc câu: ( Chiếu đoạn 1 hướng dẫn đọc)  - GV HD đọc đúng ngữ điệu: câu hỏi của con và câu trả lời của mẹ, đọc với giọng hào bhuwngs, xúc động ở đoạn thơ nói về chú nựa non rong ruổi khắp đây đó.  - GV mời 4 HS đọc nối tiếp đoạn.  - GV nhận xét tuyên dương. | | | - Hs lắng nghe GV đọc.  - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát và đánh dấu các đoạn.  - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu.  - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.  - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. |
| **3. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Nhận biết được nộ dung cuộc trò chuyện của hai mẹ con, cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của bạn nhỏ về hành trình rong ruổi của chú Ngựa con và hình dung được những cảnh vật tươi đẹp của nhiều miền đất theo tưởng tượng của bạn nhỏ.  + Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Tuổi thơ có nhiều ước mơ, muốn đi đến nhiều nơi, muốn khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống…..  - Cách tiến hành: | | | |
| 3.1. Giải nghĩa từ:  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.  - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có)  + Tuổi Ngựa: sinh năm Ngựa theo âm lịch | - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.  - HS nghe giải nghĩa từ | | |
| 3. 2.Tìm hiểu bài:  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,…  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Qua trò chuyện với mẹ, vì sao bạn nhỏ lại tưởng tượng mình là chú ngựa con rong ruổi đó đây?  + Câu 2: Kể lại hành trình của chú ngựa con theo trí tưởng tượng của bạn nhỏ:  . Những miền đất đã qua.  . Những cảnh vật đã thấy  . Những cảm nghĩ đã có.  + Câu 3: Qua đoạn thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói với mẹ điều gì?  + Câu 4: Nêu nhận xét về bạn nhỏ trong bài thơ.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học.  - GV nhận xét và chốt:  *Bạn nhỏ trong bài thơ là một cậu bé có đầy sự tự tin, ước mơ, khao khát được khám phá cuộc sống, thế giới xung quanh. Nhưng sau tất cả, sau mỗi chuyến đi cậu lại trở về với gia đình, trở về trong vòng tay đầy yêu thương, ấm áp của mẹ.*  3.3. Học thuộc lòng:  - GVHD Hs học thuộc lòng  + HS đọc thuộc theo cặp  + Xung phong đọc thuộc lòng trước lớp | - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:  + Qua trò chuyện với mẹ, bạn nhỏ tưởng tượng mình là chú ngựa con rong ruổi đó đây vì mẹ nói với bạn nhỏ rằng tuổi của bạn nhỏ là tuổi Ngựa. Tuổi Ngựa là tuổi đi, không yên một chỗ.  - Kể lại hành trình của chú ngựa con theo trí tưởng tượng của bạn nhỏ:  + Những miền đất đã qua: miền trung du, triền núi đá, những cánh đồng hoa.  + Những cảnh vật đã thấy: ngọn gió, gió xanh, gió hồng, gió đen, núi đá, cánh đồng hoa, nắng, đồng hoa cúc.  + Những cảm nghĩ đã có: vui vẻ, thích thú, say mê.  - Qua đoạn thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói với mẹ rằng dù chú ngựa con sẽ đi xa, đi khắp nơi, nhưng chú vẫn nhớ và luôn muốn trở về bên mẹ. Đây là sư biết ơn và tình yêu thương của bạn nhỏ với người mẹ, dù có phải rời xa nhưng tình cảm vẫn không thay đổi.  - Bạn nhỏ trong bài thơ thể hiện sự tự tin và say mê trong việc khám phá và trải nghiệm cuộc sống. Dù còn nhỏ nhưng bạn đã có tinh thần phiêu lưu và quyết tâm đi tìm hiểu thế giới xung quanh mình. Đồng thời, sự nhạy cảm và tình cảm gia đình sâu sắc cũng được thể hiện qua tình yêu thương và mong muốn trở về bên mẹ của bạn.  - 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học  - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.  - Nghe Gv hướng dẫn.  + HS cùng nhau đọc nhiều lần.  + HS xung phong đọc. | | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Tuổi Ngựa”.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà đọc thuộc lòng bài. | | - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | | |

**KHOA HỌC**

**Bài 1. ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS nêu được nguyên nhân, tác hại của xói mòn đất và các biện pháp phòng chống xói mòn đất.

- HS nêu được một số việc làm nhằm góp phần phòng chống ô nhiễm đất ở gia đình và địa phương.

- HS đề xuất, vận động mọi người và thực hiện được những việc làm để bảo vệ môi trường đất.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Năng lực tự học: HS làm được thí nghiệm đơn giản để tìm hiểu về xói mòn đất.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê tìm tòi khoa học.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu, tranh ảnh, clip về ô nhiễm đất, xói mòn đất, một số đồ dùng thí nghiệm.

**2. HS:**

- Bút dạ, một số khối đất khô và lọ nước có miệng rộng để dễ quan sát.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động**  **a) Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Nhắc lại kiến thức cũ, giới thiệu bài mới.  **b) Cách thực hiện:** | |
| + Nêu một số nguyên nhân gây ô nhiễm đất.  + Nêu các biện pháp phòng chống ô nhiễm đất.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | + HS chia sẻ.  - HS lắng nghe. |
| **B. Khám phá:**  **a) Mục tiêu:**  - HS nêu được nguyên nhân, tác hại của xói mòn đất và các biện pháp phòng chống xói mòn đất.  **b) Cách thực hiện:** | |
| **3. Xói mòn đất và biện pháp phòng chống xói mòn đất**  \* Thí nghiệm về xói mòn đất  - GV cho HS thực hành làm thí nghiệm 1, 2 theo hướng dẫn, ghi lại kết quả vào phiếu.  - GV gọi HS chia sẻ kết quả thí nghiệm.  - GV cho nhận xét.  \* Nguyên nhân gây xói mòn đất  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, thảo luận theo nhóm nêu các nguyên nhân gây xói mòn đất.  + Nêu một số nguyên nhân khác dẫn đến xói mòn đất.  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét. | - HS thực hành làm thí nghiệm theo nhóm:  + TN1: Đất ở khay B trôi nhiều hơn vì độ dốc lớn hơn. Đất ở khay A trôi ít hơn vì độ dốc nhỏ hơn.  KL: độ dốc càng lớn, tốc độ xói mòn càng nhanh, mạnh.  + TN2: Đất ở khay C trôi nhiều hơn vì không có cây che phủ. Đất ở khay D trôi ít hơn vì nhiều cây che phủ.  KL: càng có ít cây cối, tốc độ xói mòn càng nhanh, mạnh, càng có nhiều cây cối càng hạn chế tốc độ xói mòn đất.  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát tranh, thảo luận theo nhóm và nêu:  + Mưa lớn kéo dài, địa hình dốc, chặt phá rừng làm nương rẫy, ...  + HS chia sẻ.  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe. |
| **C. Vận dụng, trải nghiệm:**  **a) Mục tiêu:**  - HS củng cố kiến thức sau bài học.  - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau bài học.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - GV cho HS chia sẻ trước lớp:  + Nêu những nguyên nhân gây xói mòn đất.  - GV cho nhận xét, tuyên dương HS tích cực tham gia các hoạt động học tập.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS chia sẻ trước lớp:  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

**BÀI 3. ÔN TẬP PHÂN SỐ (tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Viết và đọc được phân số chỉ số phần đã tô màu của hình, nhận biết được phân số tối giản; rút gọn, quy đồng được mẫu số các phân số.

- So sánh, sắp xếp các phân số theo thứ tự.

- Vận dụng được việc rút gọn phân số để giải quyết tình huống.

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III.** **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |

|  |
| --- |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| - GV tổ chức trò chơi “TÌM NHÀ CHO THỎ” để khởi động bài học.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  - GV dẫn dắt HS vào bài học: Hôm nay, cô trò mình sẽ cùng nhau ôn tập về phân số “Bài 3: Ôn tập phân số”.  **2. Luyện tập***:*  **-** Mục tiêu:  + Ôn tập đọc, viết được số tự nhiên; viết được số tự nhiên thành tổng các số hạng theo hàng  **-** Cách tiến hành:  **Bài 1: a)**>;<;=?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *a)* | *b)* | *c)* |   - GV cho HS đọc yêu cầu, làm bài cá nhân, ghi kết quả vào vở, đổi vở và nói cách làm cho bạn cùng bàn.  - GV mời đại diện HS lên bảng trình bày, nói rõ cách làm.  - GV nhận xét, chữa bài cho HS.  ***Bài tập 2:***  *Chọn câu trả lời đúng.*  *a) Phân số nào dưới đây lớn hơn 1?*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *A. .* | *B. .* | *C. .* | *D. .* |   *b) Phân số nào dưới đây bé hơn phân số ?*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *A. .* | *B. .* | *C. .* | *D. .* |   *c) Phân số nào dưới đây lớn hơn phân số ?*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *A. .* | *B. .* | *C. .* | *D. .* |   - GV cho HS đọc đề bài, làm bài cá nhân vào vở.  - GV yêu cầu HS đổi vở cho nhau, nói cho nhau cách làm và nhận xét câu trả lời của bạn.  - GV mời đại diện 1 HS trình bày kết quả, cả lớp chú ý lắng nghe.  - GV nhận xét, chữa bài và thống nhất kết quả  - GV nhận xét chốt đáp án  ***Bài tập 3:***  *Cho các phân số . Viết các phân số đã cho theo thứ tự:*  *a) Từ bé đến lớn.*  *b) Từ lớn đến bé.*  - GV cho HS làm bài cá nhân vào vở; đổi vở chữa bài; nói cách làm và kết quả cho bạn cùng bàn nghe.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả.  - GV nhận xét, chữa bài và thống nhất kết quả.  ***Bài tập 4:***  *Cho biết số học sinh của khối lớp 5 tham gia các môn thể thao ở Câu lạc bộ thể thao của một trường tiểu học như sau:*    *Trong các môn thể thao trên, môn nào được học sinh khối 5 của trường tiểu học đó tham gia nhiều nhất?*  - GV mời 1 HS đọc đề bài, thảo luận nhóm đôi (cùng bàn) và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Bài toán cho biết gì?*  *Bài toán hỏi gì?*  *+ Muốn biết trong các môn thể thao: Cầu lông, Bóng đá, Võ, Bóng rổ, môn nào được học sinh khối 5 của trường tiểu học đó tham gia nhiều nhất ta làm như thế nào?So sánh các phân số nào?*  *+ Muốn so sánh bốn phân số ta cần làm bước gì trước rồi mới so sánh?*  - GV mời đại diện nhóm lên trình bày bài giải, các nhóm còn lại quan sát bài làm của bạn.  - GV nhận xét, chữa bài cho HS.  **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành:  ***Hoàn thành BT5***  ***Đố em!***  *Số?*    - GV cho HS thảo luận theo cặp đôi (cùng bàn).  - GV nêu câu hỏi gợi mở:  *+ Nhắc lại quy tắc so sánh hai phân số có cùng mẫu số*  *+ Nhắc lại quy tắc so sánh hai phân số có cùng tử số.*  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở, trao đổi kết quả với bạn cùng bàn.  - GV mời đại diện nhóm lên trình bày bài giải, các nhóm còn lại quan sát bài làm của bạn.  - GV nhận xét, chữa bài cho HS. | - HS tham gia chơi  - HS chú ý lắng nghe  - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Kết quả:  ***a)*** *Ta có:*    *Khi đó:*    ***b)*** *Ta có:*    *Khi đó:*    - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Kết quả:  ***a)*** *Phân số lớn hơn 1 là phân số có tử số lớn hơn mẫu số.*  *Vậy là phân số lớn hơn 1.*  ***Chọn B***.  ***b)*** *Ta có:*  *; ; ; .*  *Vậy phân số bé hơn phân số .*  ***Chọn C***.  ***c)*** *Ta có:*  *; ; ; .*  *Vậy phân số lớn hơn phân số .*  ***Chọn B***.  - HS chữa bài vào vở.  - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Quy đồng mẫu số các phân số, ta có:*  *; ;*  *; .*  ***a)*** *Thứ tự từ bé đến lớn: .*  ***b)*** *Thứ tự từ lớn đến bé: .*  - HS chữa bài vào vở.  -Hs lắng nghe  - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  *+ Bài toán cho biết số học sinh của khối lớp 5 tham gia các môn thể thao ở Câu lạc bộ thể thao.*  *+ Hỏi: Trong các môn thể thao trên, môn nào được học sinh khối 5 của trường tiểu học đó tham gia nhiều nhất?*  *+ Ta so sánh bốn phân số .*  *+ Ta cần quy đồng mẫu số các phân số đó.*  *Ta có:*  *; ;*  *Vì*  *Nên*  *Vậy trong các môn thể thao trên, bóng đá là môn thể thao được học sinh khối 5 tham gia nhiều nhất*  - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Kết quả:  *+ Trong hai phân số có cùng mẫu số, phân số nào có tử số lớn hơn thì phân số đó lớn hơn; phân số nào có tử số bé hơn thì phân số đó bé hơn.*  *+ Trong hai phân số có cùng tử số, phân số nào có mẫu số bé hơn thì phân số đó lớn hơn; phân số nào có mẫu số lớn hơn thì phân số đó bé hơn*  *Ta có:*  - HS chữa bài vào vở.  - HS chú ý lắng nghe  - HS lưu ý rút kinh nghiệm cho các tiết học sau |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**BUỔI CHIỀU**

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Bài: ĐẠI TỪ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Có thêm kiến thức mới về Đại từ. Bước đầu biết cách sử dụng Đại từ cho phù hợp ngữ cảnh.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi “Đoán xem tôi là ai”  + Câu 1: Mọi người thường dùng tôi để đặt tên cho các sự vật, hiện tượng tự nhiên, cây cỏ, hoa lá. Đố các bạn tôi là ai?  + Câu 2: Mọi người thường dùng tôi để miêu tả các đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái… Tôi là ai vậy?  + Câu 3: Khi các bạn gọi tên các hoạt động, trạng thái ấy là lúc các bạn đang nhắc đến tôi. Đố các bạn biết tôi là ai?  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia chơi  - Đáp án: Danh từ  - Đáp án: Tính từ  - Đáp án: Động từ  - HS lắng nghe. | |
| **2. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  - Có thêm kiến thức mới về Đại từ.  - Bước đầu biết cách sử dụng Đại từ cho phù hợp ngữ cảnh.  - Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | |
| Bài 1: Những từ in đậm trong mỗi câu sau được dùng để thay cho từ ngữ nào?  a. Nắng vàng óng. Lúa cũng vậy.  b. Cây tre này cao và thẳng. Các cây kia cũng thế.  c. Cánh đồng vàng ruộm báo hiệu một vụ mùa bội thu. Đó là thành quả lao động vất vả, “một nắng hai sương" của các cô bác nông dân.  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:  - GV mời cả lớp làm việc nhóm 2  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét kết luận và tuyên dương.  Bài 2. Nhận diện đại từ nghi vấn.  - GV yêu cầu HS đọc: Trong những đoạn trích dưới đây, từ nào được dùng để hỏi?  a. Cốc! Cốc Cốc!  – Ai gọi đó?  – Tôi là thỏ…  (Võ Quảng)  b. Bé nằm ngẫm nghĩ  - Nắng ngủ ở đâu?  – Nắng ngủ nhà nắng  Mai lại gặp nhau.  (Thụy Anh)  c. Mùa nào phượng vĩ  Nở đỏ rực trời  Ở khắp nơi nơi  Ve kêu ra rả?  (Câu đố)  - GV chia nhóm thảo luận.  - GV tổ chức trình bày trước lớp.  - GV ? Từ dùng để hỏi phải nằm trong loại câu nào?  ? Dấu hiệu hình thức giúp ta nhận ra câu hỏi là gì?  - GV nhận xét chung  *Bài 3: Đọc câu chuyện dưới dây và trả lời câu hỏi.*  Hạt thóc được mẹ lúa yêu thương, chiều chuộng nên rất kiêu. Thóc nói với ngô, khoai, sắn:  – Ta là hạt vàng đấy, các bạn ạ. Chẳng ai bằng ta được.  Ngô liền nói:  - Cậu ơi, tớ nghĩ cậu chỉ là hạt vàng khi ở trên cánh đồng này thôi. Còn nếu ở trong bát cơm, chắc chắn cậu sẽ bị gắp bỏ ra ngoài.  Hạt thóc nghe xong, im lặng.  (Phan Tự Gia Bách)  a. Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để làm gì?  b. Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe?  - Gọi 2 Hs đọc câu chuyện Hạt thóc, nêu các các từ in đậm.  - Gv cho nhóm trao đổi, cử đại diện trả lời.- Lớp nhận xét.  GV chó HS rút ra ghi nhớ: Về đại từ  Bài 4: Đóng vai hạt thóc trong câu chuyện Hạt thóc, viết câu đáp lại lời của ngô, trong câu có sử dụng một đại từ.  -GV chia nhóm hoạt động đóng vai, chia sẻ trước lớp  - Bình chọn câu đáp lời hay nhất, | | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  - Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.  a. “Vậy” thay thế cho từ “vàng óng”.  b. “Thế” thay thế cho “cao và thẳng”.  c. “Đó” thay thế cho “cánh đồng vàng rộm”.  - Các nhóm trình bày  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - 1 HS đọc. Cả lớp lắng nghe.  a. Từ được dùng để hỏi: đó  b. Từ được dùng để hỏi: đâu  c. Từ được dùng để hỏi: nào  - Các nhóm thảo luận.  - Đại diện các nhóm trả lời.  -+ Trong câu hỏi  + Dấu hỏi chấm.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 2 HS đọc và nêu các từ in đậm  -Nhóm thảo luận – chia sẻ trước lớp  a.Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để xưng hô.  b. - Từ chỉ người nói: Ta, tớ  - Từ chỉ người nghe: Bạn, cậu  -HS nắm được: Đại từ là từ dùng để thay thế như thế, vậy, đó, này,... (đại từ thay thế), để hỏi như ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu.... (đại từ nghi vấn) hoặc dễ xưng hô như tôi, tớ, chúng tôi, chúng tớ, mày, chúng mày, chúng ta,... (đại từ xưng hô). Ngoài ra, trong tiếng Việt, có nhiều danh từ được dùng để xưng hô như ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn,...  - HS thảo luận cùng phân vài và tham gia đóng vai trước lớp  VD: Tớ xin lỗi vì đã kiêu ngạo như vậy! |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ong về tổ”.  + Câu 1: Đại từ được in đậm trong câu: “Mỗi sáng, Lan đều tập đàn chăm chỉ, việc này giúp bạn chơi đàn ngày càng hay.” thay thế cho phần nào dưới đây?  + Câu 2: Từ nào trong các từ dưới đây luôn là đại từ?  + Câu 3: Từ gạch chân trong trường hợp nào dưới đây là đại từ?  - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Đáp án: A  + Đáp án: D  + Đáp án: B  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

**ĐẠO ĐỨC**

**Bài 1. EM BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG**

**VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

*+Nhận thức chuẩn mực hành vi:* Nêu được lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

*+ Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:*Đồng tình với lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước; Không đồng tình với lời nói, việc làm không thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

*+ Năng lực điều chỉnh hành vi:* Thể hiện được lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

**2. Năng lực chung:**

- HS nêu được ý kiến của bản thân cũng như nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi thể hiện sự biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

- Học sinh đưa ra được cách ứng xử phù hợp nhằm rèn luyện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

- Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập (qua hoạt động thảo luận nhóm).

**3. Phẩm chất**

*- Yêu nước:* Kính trọng, biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

*- Nhân ái:* Thể hiện được sự yêu quý bạn bè trong quá trong quá trình thảo luận nhóm.

*- Trách nhiệm:* Thực hiện những nhiệm vụ cá nhân và nhóm trong bài học.

\* Tích hợp PTTNBM: Chủ đề: Yêu nước. Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.  Đối với giáo viên**

- SGK, SGV, SBT Đạo đức 5 (bộ sách Cánh Diều).

- Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- Sách HS Đạo đức 5.

- Tranh ảnh, tư liệu, sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **A. Khởi động:**  **a. Mục tiêu:**Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - Cho HS chơi trò chơi **Lật mảnh ghép** để kiểm tra bài cũ :  MG1. Người đã khai thiên, lập địa, dựng nước là ai?  MG2. Người đã lãnh đạo nhân dân đánh đuổi quân giặc, giành lại giang sơn, bảo vệ đất nước.  MG3.Tên người anh hùng dũng cảm chiến đấu, biểu tượng của truyền thống yêu nước, anh hùng, tuổi trẻ Việt Nam.  MG4. Đội tuyển nào đã giành quyền tham dự World Cup 2023, vô địch bóng đá Đông Nam Á.  MG5. Nhạc sĩ nào đóng đã góp với văn học nghệ thuật nước nhà bằng những tác phẩm mang đậm lòng yêu nước, đặc biệt là ca khúc Tiến quân ca – Quốc ca Việt Nam.  MG6. Ai là tác giả của “phương pháp mổ gan khô”  *-* Cho HS quan sát và miêu tả bức tranh dưới mảnh ghép  - Nhận xét- đánh giá khích lệ HS | | | - Học sinh chơi trò chơi khởi động.  - Vua Hùng  - Hai Bà Trưng  - Nguyễn Viết Xuân  - Đội tuyển nào bóng đá nữ quốc gia Việt Nam Đ2023:  - Văn Cao  - Giáo sư – Bác sĩ TônThấtTùng  - Chủ tịch Hồ Chí Minh: Người đã lãnh đạo nhân dân giành độc lập, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. | | |
| *Giới thiệu bài: Biết ơn người có công với quê hương, đất nước là trách nhiệm của mỗi công dân. Chúng ta có thể thể hiện lòng biết ơn này bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi và nhắc nhở mọi người. Tiết học* ***“Em biết ơn người có công với quê hương, đất nước”- Tiết 2*** *ngày hôm nay sẽ giúp các em thể hiện lòng biết ơn những đóng góp của họ trong cuộc sống* | | | | | |
| 1. **Luyện tập:**   **Hoạt động 1: Nhận xét các ý kiến:**  **a. Mục tiêu**: HS nêu được ý kiến của bản thân cũng như nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi thể hiện sự biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.  **b. Cách tiến hành:** | | | | | |
| - GV chia lớp thành các nhóm học tập  - Yêu cầu các nhóm đọc và thực hiện yêu cầu: HS bày tỏ quan điểm của bản thân đối với những ý kiến sau: | | | | - HS chia nhóm 6, cử nhóm trưởng, giao nhiệm vụ cho từng thành viên.  - HS đọc cá nhân | |
| a. *Biết ơn các cô, chú, bác thương binh, liệt sĩ là thể hiện đạo lí “uống nước nhớ nguồn”.*  *b. Chúng ta phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước vì họ giúp cho đất nước ta ngày càng giàu mạnh, tươi đẹp.*  *c. Vì còn nhỏ tuổi nên học sinh không thể làm gì để giúp các cô, chú, bác thương binh và gia đình liệt sĩ.*  *d. Nhắc nhở để bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước cũng là việc làm thể hiện lòng biết ơn.*  *e. Phấn đấu học tập và rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội là việc làm thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.*  *g. Chỉ có những anh hùng, liệt sĩ đã hi sinh trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm mới là người có công với quê hương, đất nước.* | | | | | |
| - Yêu cầu các nhóm thảo luận  - GV nghe, chốt đáp án | | - Các nhóm thảo luận và đưa ra các phương án chung.  - Các nhóm báo cáo kết quả  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung | | | |
| *Ý kiến a. Đúng, vì dân tộc ta có truyền thống "Uống nước nhớ nguồn". Các cô, chú, bác thương binh và liệt sĩ đã hy sinh cả tuổi trẻ, thanh xuân để chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, để chúng ta có được cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc như ngày hôm nay. Vì thế, chúng ta luôn phải tự hào và biết ơn .*  *Ý kiến b: Đúng, vì từ thời dựng nước và giữ nước, những người có công với quê hương, đất nước đã hy sinh xương máu, đóng góp công sức, thành quả lao động…. nên dân tộc ta mới phát triển, có nhiều thành tựu.*  *Ý kiến c: Sai, vì “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, tùy theo sức của mình”. Học sinh còn nhỏ tuổi cũng có thể làm nhiều việc thể hiện lòng biết ơn cũng như giúp đỡ các cô, chú, bác thương binh và gia đình liệt sĩ: giúp đỡ, thăm hỏi sức khỏe, nhường chỗ ngồi khi đi tên xe buýt cho các cô, chú, bác thương binh.*  *Ý kiến d: Đúng, vì việc thể hiện lòng biết ơn đối với những người có công với quê hương, đất nước không chỉ thể hiện trong việc làm của mình mà còn thể hiện rõ nét trong việc nhắc nhở bạn bè, mọi người xung quanh thực hiện lòng biết ơn vì đó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc*  *Ý kiến e: Đúng, vì luôn cần phấn đấu, học tập để trở thành người có ích cho xã hội. Ra sức học tập và rèn luyện để mai này cống hiến sức lực của mình cho sự nghiệp phát triển đất nước cũng là một cách thể hiện tinh thần trách nhiệm của bản thân để không phụ công sức của những người đi trước đã cống hiến cho quê hương, đất nước.*  *Ý kiến g: Sai, vì trong thời bình, vẫn luôn có những người cống hiến, đóng góp công sức vì sự nghiệp xây dựng đất nước ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: kinh tế, văn hóa, chính trị, quân sự, y học, thể thao…..* | | | | | |
| **Hoạt động 2: Bày tỏ ý kiến**  **a. Mục tiêu:** HS thể hiện được thái độ đồng tình hay không đồng tình với các việc làm trong SGK  **b. Cách tiến hành:**  - GV trình chiếu cho HS quan sát các việc làm trong SGK trang 9  - GV chia lớp thành các nhóm học tập:  - GV yêu cầu các nhóm đọc và trả lời câu hỏi**:** Em đồng tình hay không đồng tình với những việc làm nào? Vì sao?  - GV mời đại diện các nhóm phát biểu ý kiến theo hình thức trò chơi: **Phỏng vấn.( Các nhóm lần lượt phỏng vấn lẫn nhau)**  - GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp | | | | | - HS quan sát cá nhân  - Chia lớp thành nhóm 4 cử nhóm trưởng, giao nhiệm vụ cho từng thành viên.  - HS thảo luận nhóm 4  - Các nhóm báo cáo kết quả  - Nhóm khác nhận xét, bổ  sung |
| *GV chốt ý kiến:*  *Ý kiến a: Vì bà Năm là mẹ liệt sĩ, chăm sóc và dọn dẹp nhà cửa giúp bà Năm thể hiện sự biết ơn đối với gia đình có thân nhân có công với quê hương, đất nước.*  *Ý kiến b: Vì Trung thể hiện sự tự hào đối với thành tích của những vận động viên đi trước, từ đó có ý thức noi gương, phấn đấu rèn luyện, học tập để tiếp tục đóng góp sức mình cho thành tích của quê hương, đất nước. Có thành tích cao trên đấu trường quốc tế, góp phần làm rạng danh cho đất nước.*  *Ý kiến c: Vì nghề nặn tò he là một nét văn hóa đặc sắc của quê hương. Tuyết luôn tự hào về truyền thống văn hóa của dân tộc, muốn gìn giữ và lan tỏa nét đẹp văn hóa đó tới bạn bè quốc tế.*  *Ý kiến d: Vì Khôi luôn tự hào về đất nước Việt Nam, nơi có những con người tài hoa xuất chúng làm rạng danh đất nước Việt Nam khắp năm châu bốn bể.* | | | | | |
| **C. Vận dụng:**  **a) Mục tiêu:**  Học sinh đưa ra được cách ứng xử phù hợp nhằm rèn luyện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. | | | | | |
| **b)Cách thực hiện**  Kể tên một số người có công với quê hương đất nước ở địa phương em mà em biết?  - Công lao đó được thể hiện như thế nào?  \* Tích hợp PTTNBM: Chủ đề: Yêu nước. Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.  - Em cần làm gì để thể hiện lòng biết ơn đối với những người có công với quê hương, đất nước? | HS liên hệ kể cá nhân  - Hy sinh bảo vệ Tổ quốc. Thương binh, bệnh binh, ….  - Chúng ta phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước vì họ đã anh dũng hy sinh, đóng góp công lao vô cùng to lớn để tạo ra đất nước độc lập, cuộc sống hạnh phúc, tự do, ấm no, bình yên và phát triển như ngày hôm nay. Với những người còn sống phải biết kính trọng, giúp đỡ, động viên, an ủi bằng những việc làm phù hợp với bản thân.  - HS lắng nghe | | | | |
| - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước tiết 3 của bài. | - HS lắng nghe | | | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP VỀ ĐẠI TỪ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

***-*** Củng cố về từ loại đại từ đã học.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Củng cố kĩ năng vận dụng đại từ vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở luyện tập Tiếng Việt.

***2. Học sinh:*** Vở luyện tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  + Giúp học sinh củng cố kiến thức về đại từ, làm được các bài tập trong vở bài tập. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:**  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1/12: Những từ in đậm trong các câu dưới đây được dùng để thay thế cho những từ ngữ nào?  + Gọi 2 HS đọc lại.  + HD HS đọc và làm bài cá nhân.  - GV đánh giá nhận xét.  **Hoạt động 2:** HDHS làm bài tập 2/12:  - Gạch dưới từ để hoirtrong những đoạn trích vở bài tập:  a) Cốc! Cốc! Cốc!  - Ai gọi đó?  - Tôi là Thỏ.  b) Bé nằm ngẫm nghĩ  - Nắng ngủ ở đâu?  - Nắng ngủ nhà nắng  Mai lại gặp nhau.  c) Mùa nào phượng vĩ  Nở đỏ rực trời  Ở khắp nơi nơi  Ve kêu ra rả?  - GV cho Hs làm bài trong vòng 10 phút.  - Gv quan sát và hướng dẫn.  - Nhận xét | - HS đọc bài.  - Học sinh làm việc cá nhân  a) Từ **vậy** được dùng để thay thế cho từ vàng óng  b) Từ **thế** được dùng để thay cho cao và thẳng  c) Từ **đó** được dùng để thay cho cánh đồng vàng ruộm  - Vài HS đọc đoạn văn và yêu cầu bài tập.  - Một số HS trả lời  a) Cốc! Cốc! Cốc!  - Ai gọi đó?  - Tôi là Thỏ.  b) Bé nằm ngẫm nghĩ  - Nắng ngủ ở đâu?  - Nắng ngủ nhà nắng  Mai lại gặp nhau.  c) Mùa nào phượng vĩ  Nở đỏ rực trời  Ở khắp nơi nơi  Ve kêu ra rả? |
| **Hoạt động 3**: Gọi HS đọc yêu cầu bài tập: Đọc câu chuyện Hạt thóc ở bài tập 3 (SHS Tiếng Việt 5, tập 1/21 và TLCH.  a) Các từ in đậm trong câu chuyện được dùng để làm gì?  b) Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chiwr người nghe?  **Hoạt động 4:** HDHS đọc làm bài tập 4/13  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập: Tìm đại từ xưng hô trong những câu thơ của nhà thơ Tố Hữu và cho biết từ nào chỉ người nói, từ nào chỉ người nghe.  a) Mình về mình có nhớ ta  Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng  Mình về mình có nhớ không  Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?  b) – Cháu đi liên lạc  Vui lắm chú ạ  Ở đồn Mang Cá  Thích hơn ở nhà!  - Gọi HS trình bày  **3. Vận dụng**  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học xong bài học.  - Nhận xét giờ học.  - Dặn chuẩn bị bài sau. | - Hs làm bài nhóm 2, chia sẻ trước lớp  - Các từ in đậm (**tôi, bạn, cậu, tớ**) trong câu chuyện được dùng để xưng hô  - Những từ dùng để chỉ người nói: tôi, tớ  - Những từ dùng để chỉ người nghe: bạn, các bạn, cậu  - 3 HS đọc yêu cầu bài tập.  - Làm bài cá nhân  - Trình bày  + Từ chỉ người nói: ta  + Từ chỉ người nghe: mình  + Từ chỉ người nói: cháu  + Từ chỉ người nghe: chú  - HS thực hiện  - HS chia sẻ. |
|  |  |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

Thứ ba ngày 17 tháng 9 năm 2024

**TOÁN**

**BÀI 4. PHÂN SỐ THẬP PHÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được phân số thập phân; viết được một số phân số thành phân số thập phân.

- Vận dụng được việc nhận biết phân số thập phân, viết một số phân số thành phân số thập phân để giải quyết một số tình huống.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi “Nông trại vui vẻ” để khởi động bài học.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe luật chơi  - HS lắng nghe và ghi tên bài. |
| **2. Khám phá**  **-** Mục tiêu:  + Nhận biết được phân số thập phân; viết được một số phân số thành phân số thập phân.  **-** Cách tiến hành: | |
| **-** GV chiếu hình ảnh, yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi (cùng bàn), quan sát, đọc bóng nói và trả lời các câu hỏi    - GV nêu câu hỏi:  *+ Quan sát bức tranh, em hãy viết phân số chỉ phần tô màu của mỗi hình.*  *+ Em có nhận xét gì về mẫu số của các phân số trên?*  - GV mời đại diện nhóm có kết quả nhanh nhất trình bày, các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét bài làm của bạn.  *- GV nêu câu hỏi: “Vậy các phân số có mẫu số là 10; 100; 1 000,... được gọi là gì?”*  **- Khái niệm phân số thập phân.**  - GV giới thiệu: và là những phân số thập phân.  - GV nêu câu hỏi:  *+ Trong tranh khám phá, bạn nữ đã nói gì?*  *+ Em hãy viết một phân số có mẫu số là 10; 100; 1 000.*  - GV nhận xét: *Các phân số và cũng là phân số thập phân.*  - GV kết luận: ***“Các phân số có mẫu số là 10; 100; 1 000;... được gọi là phân số thập phân.”*** | - HS trả lời:  *+ Phân số chỉ phần tô màu của hình thứ nhất là .*  *Phân số chỉ phần tô màu của hình thứ hai là .*  *Phân số chỉ phần tô màu của hình thứ ba là .*  *+ Phân số và đều có mẫu số là 10; phân số có mẫu số là 100.*  - HS trả lời:  *+ Bạn nữ nói: “Các phân số thập phân có mẫu số là 10; 100; 1 000;...”*  + và  - HS nhắc lại:  *Các phân số và là phân số thập phân.*  - HS lắng nghe, ghi chép vào vở. |
| **3. Hoạt động**  - Mục tiêu:  + Viết được một số phân số thành phân số thập phân.  - Cách tiến hành: | |
| ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *Các phân số nào dưới đây là phân số thập phân?*    - GV cho HS làm bài cá nhân vào vở.  - GV mời HS có kết quả nhanh nhất trình bày đáp án.  - GV nhận xét, chữa bài và chốt đáp án.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  *Tìm phân số thập phân thích hợp.*    - GV cho HS thảo luận nhóm đôi (cùng bàn).  - GV hướng dẫn HS: *Quan sát tia số, tìm phân số thập phân thích hợp, viết vào vở thay cho từng ô có dấu “?”*  - GV mời đại diện nhóm có kết quả nhanh nhất trình bày kết quả.  - GV nhận xét, chữa bài cho HS. | - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Kết quả:  Các phân số thập phân là: và .  - HS chữa bài vào vở.  - HS thực hiện đếm và điền phân số thập phân thích hợp.  - Kết quả:  ***a)***    ***b)***    - HS chữa bài vào vở. |
| **4. Luyện tập**  - Mục tiêu:  + Luyện tập việc viết phân số thành phân số thập phân.  - Cách tiến hành: | |
| ***Hoàn thành BT1***  *Số?*  *a)*  *b)*  *c)*  *d)*  - GV cho HS đọc đề bài, thảo luận cặp đôi và làm bài vào vở.  - GV hướng dẫn HS:  *+ Quan sát bài ở câu a). ta thấy:*  *Theo tính chất phân số:*  *+ Làm tương tự với các câu b), c), d).*  - Sau khi làm bài, HS đổi vở, chữa bài với bạn cùng bàn.  - GV mời 1 – 4 HS trình bày bài làm.  - GV nhận xét, chữa bài cho HS.  ***Hoàn thành BT 2***  *Viết các phân số sau thành phân số thập phân.*    - GV cho HS đọc đề bài, thảo luận cặp đôi và làm bài vào vở.  - GV hướng dẫn HS cách làm:  *Ta có:*  *Áp dụng tính chất phân số:*  *HS làm tương tự với các phân số tiếp theo.*  - Sau khi làm bài, HS đổi vở, chữa bài với bạn cùng bàn.  - GV mời 1 - 2 HS trình bày bài làm.  - GV nhận xét, chữa bài cho HS. | - HS chú ý theo dõi và thực hiện.  - HS hoàn thành bài.  - Kết quả:  ***a)***;  ***b)*** ;  ***c)*** ;  ***d)*** .  - HS chữa bài vào vở.  - HS theo dõi và thực hiện theo mẫu.  - HS hoàn thành bài tập.  - Kết quả:  *Ta có:*  *;*  *;*  *;*  *.* |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - Gv tổ chức trò chơi “Plant and Zoobie” để củng cố bài học  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  -Hs lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................. | |

**LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ**

**Bài 2. THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Trình bày được một số đặc điểm của địa hình và khoáng sản ở Việt Nam.

- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.

- Trình bày được một số đặc điểm của khí hậu ở Việt Nam.

**2. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

- Chăm chỉ: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam hoặc lược đồ hình 1 trang 11 SGK.

- Một số hình ảnh minh họa về vai trò của tài nguyên thiên nhiên và khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống (nếu có).

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Học sinh**

- SGK, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:** | |
| - Bước 1: GV nêu câu hỏi ở phần khởi động trang 10 SGK:  + Khi nói về thiên nhiên, em nghĩ đến những thành phần nào?  + Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về thiên nhiên Việt Nam.  - Bước 2: HS trả lời các câu hỏi.  - Bước 3: Nhận xét, dẫn dắt vào bài mới. | - HS trả lời câu hỏi và chia sẻ với các bạn.  - Đất, nước, cây cối,…  - Đẹp, phong phú, đa dạng,… |
| **B. Khám phá:**  \*Mục tiêu:  - Trình bày được một số đặc điểm của địa hình và khoáng sản ở Việt Nam.  - Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.  - Trình bày được một số đặc điểm của khí hậu ở Việt Nam.  \*Cách tiến hành: | |
| **1. Đặc điểm thiên nhiên**  ***a) Tìm hiểu về địa hình và khoáng sản ở Việt Nam*** |  |
| - Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 để thực hiện nhiệm vụ sau:  Đọc thông tin và quan sát hình 1 trang 11 SGK, em hãy:  + Trình bày một số đặc điểm của địa hình, và khoảng sản ở Việt Nam. | - Phần lớn diện tích là đồi núi thấp và đồng bằng. Có nhiều loại khoáng sản phần lớn có trữ lượng vừa và nhỏ. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn như: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, đồng, bo-xit, a-pa-tit,... |
| + Xác định trên lược đồ các dãy núi có hướng tây bắc - đông nam, các dãy núi có hướng vòng cung và các đồng bằng lớn ở Việt Nam.  + Kể tên và chỉ trên lược đồ một số khoáng sản chính ở Việt Nam. | - HS thực hành xác định trên lược đồ. |
| - Bước 2: Đại diện một nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp. Một số nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời và cách chỉ lược đồ/ bản đồ. | - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |
| - Bước 3: GV nhận xét và tổng kết:  + Trên phần đất liền Việt Nam, 3/4 diện tích là đồi núi nhưng chủ yếu là đồi núi thấp, 1/4 diện tích là đồng bằng và chủ yếu là đồng bằng do phù sa sông bồi đắp.  + Việt Nam có nhiều loại khoáng sản nhưng phần lớn có trữ lượng vừa và nhỏ. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn như: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, đồng, bo-xit, a-pa-tit,... | - Vài HS nhắc lại nội dung. |
| ***b) Tìm hiểu về khí hậu ở Việt Nam***  - Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp để thực hiện nhiệm vụ sau:  + Đọc thông tin, em hãy trình bày một số đặc điểm khí hậu ở Việt Nam.  + Hãy chia sẻ thông tin về đặc điểm khí hậu tại một vùng núi cao ở Việt Nam (ví dụ: Sa Pa, Tam Đảo, Đà Lạt,...) mà em đã tìm hiểu. (câu hỏi này không bắt buộc, khuyến khích HS làm). | - Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nóng gần như quanh năm (trừ những vùng núi cao), mưa nhiều, gió và mưa thay đổi theo mùa.  - HS chia sẻ theo hiểu biết của cá nhân. |
| - Bước 2: Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp kết hợp chia sẻ thông tin về đặc điểm khí hậu tại một vùng núi cao ở Việt Nam (ví dụ: Sa Pa, Tam Đảo, Đà Lạt,...) (nếu có). Một số nhóm khác nhận xét, bồ sung câu trả lời. | - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |
| - Bước 3: GV nhận xét và tổng kết:  + Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, với tính chất nóng gần như quanh năm (trừ những vùng núi cao), mưa nhiều, gió và mưa thay đổi theo mùa.  + Khí hậu nước ta có sự khác nhau giữa phần lãnh thổ phía bắc và phần lãnh thổ phía nam dãy Bạch Mã. | - Vài HS nhắc lại nội dung. |
| 1. **Vận dụng, trải nghiệm:** |  |
| - Các khoáng sản tồn tại ở đâu? | - Nằm sâu trong lòng đất. |
| - Các khoáng sản đó con người có thể khai thác và sử dụng được hay không? | - Con người có thể khai thác và sử dụng được. |
| - Theo em, khoáng sản chúng hình thành và tồn tại trong tự nhiên hay do con người tạo ra? | - Chúng được hình thành và tồn tại trong tự nhiên. |
| \* Chúng ta cần phải khai thác và sử dụng như thế nào? | - Chúng ta cần phải khai thác và sử dụng hợp lí, có kế hoạch. |
| - Nhận xét, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học. | - Nhận xét. |
| - Các em về nhà xem lại bài và chuẩn bị cho phần tiếp theo của bài. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

.........................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 3. VIẾT**

**Bài: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Lập được dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.

- Biết thể hiện tình cảm yêu thương với người thân và chia sẻ suy nghĩ, ước mơ của mình với mọi người.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo đã học ở hai tiết trước:  + Các cách kể chuyện sáng tạo đã học ở bài trước:  • Thêm lời tả, lời kể, lời thoại,…  • Thay đổi cách kết thúc của câu chuyện  • Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: *Buổi học trước chúng ta đã tìm hiểu được các cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo. Ở buổi học này, chúng ta sẽ đi thực hành lập dàn ý cho một đề bài cụ thể.* | - HS nhắc lại kiến thức đã học.  - HS chú ý lắng nghe. | | |
| **2. Khám phá.**  - Mục tiêu:  - Lập được dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.  - Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| Bài 1: Chuẩn bị.  - GV mời 1 HS đọc 2 đề văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.  - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu chuẩn bị và gợi ý trong SGK  - HS lựa chọn một câu chuyện để kể lại.  - HS suy nghĩ, nhớ lại câu chuyện đã chọn và các yếu tố liên quan đến câu chuyện.  - HS lựa chọn cách kể sáng tạo.  - Mời cả lớp nhận xét nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết | | - 1 HS đọc đề bài; Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  - HS đọc yêu cầu và gợi ý trước lớp  - HS làm việc theo nhóm, cùng nhau lựa chọn 1 câu chuyện  - Suy nghĩ, nhớ lại và lựa chọn cách kể sáng tạo, trình bày kết quả.  - Cả lớp nhận xét nhận xét.  - HS lắng nghe. | |
| Bài 2: Lập dàn ý  - GV hướng dẫn HS đọc kĩ gợi ý về dàn ý trong SGK theo từng phần của bài văn.  - HS dựa vào câu trả lời đã nêu ở phần chuẩn bị, lập dàn ý cho bài làm của mình  - HS viết dàn ý vào vở.    - GV nhận xét nhanh một số bài của HS – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong lập dàn ý. | |  | |
| **3. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Lập dàn ý bài văn mình đã chọn  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| Bài 2: Lập dàn ý  - GV hướng dẫn HS đọc kĩ gợi ý về dàn ý trong SGK theo từng phần của bài văn.  - HS dựa vào câu trả lời đã nêu ở phần chuẩn bị, lập dàn ý cho bài làm của mình  - HS viết dàn ý vào vở.  - GV nhận xét nhanh một số bài của HS – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong lập dàn ý.  Bài 3. Góp ý và chỉnh sửa  - GV mời 1 HS đọc bài viết  - GV mời cả lớp nghe và góp ý, chỉnh sửa  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV cho HS đọc bài viết của 1 bạn sau khi sửa hoàn chỉnh. | | | - Nghe GV gợi ý  - 1 HS nhớ lại ở phần chuẩn bị, lập dàn ý bài văn  Mở bài: Giới thiệu tên câu chuyện, tên tác giả,... (Nếu đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện, em cần giới thiệu mình là nhân vật nào.)  Thân bài: Kể lại câu chuyện theo trình tự hợp lí, trong đó có chi tiết được kể sáng tạo theo 1 trong 3 cách:  – Sáng tạo thêm chi tiết (có thể lựa chọn sáng tạo một hoặc nhiều chi tiết).  – Thay đổi cách kết thúc theo tưởng tượng của em.  – Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện (chú ý cách xưng hộ, cách thể hiện lời nói, suy nghĩ, cảm xúc phù hợp với nhân vật).  Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc,... về câu chuyện hoặc nêu kết thúc của câu chuyện dưới góc nhìn của nhân vật (nếu đóng vai kể chuyện).  -Trình bày trước lớp để Gv và các bạn góp ý, bổ sung.  - 4-5 HS đọc yêu bài viết; Cả lớp lắng nghe.  - HS nhận xét, bổ sung. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:  Em tiến hành chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.  - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: - Em tiến hành chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

Thứ tư ngày 18 tháng 9 năm 2024

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 4. BẾN SÔNG TUỔI THƠ**

**Tiết 1 – 2. Đọc: BẾN SÔNG TUỔI THƠ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng toàn bộ câu chuyện Bến sông tuổi thơ. Biết đọc diễn cảm văn bản phù hợp với nội dung; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút;

- Biết đến những câu chuyện hay (cổ tích, đồng thoại, khoa học viễn tưởng,...) và những điều làm nên sự thú vị của câu chuyện: bối cảnh, nhân vật, sự việc,...

- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua tâm trạng, cảm xúc,...

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện. Phân chia được bố cục và bước đầu tóm tắt được văn bản

**2. Năng lực chung*.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp đất nước thông qua những hoạt động cảnh vật ở nhiều miền trên đất nước.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, ảnh câu chuyện Bến sông tuổi thơ.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| 1.1. Ôn bài cũ:  - GV cho 2 HS lên đọc thuộc lòng bài “Tuổi ngựa” và nêu suy nghĩ gì về các bạn nhỏ trong câu chuyện. | | HS đọc thuộc lòng và trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe. | |
| 1.2. Khởi động:  - GV cho học sinh nghe bài hát: “Con sông tuổi thơ tôi”  - GV yêu cầu hs: “Nêu cảm nhận của em về bài hát vừa nghe”  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa và yêu cầu hs miêu tả cảnh vật trong tranh    - GV dẫn dắt vào bài học: *Quê hương Việt Nam chúng ta thật nhiều cảnh đẹp, phong phú. Mỗi nơi mang vẻ đẹp đặc trưng của từng vùng. Bài đọc “Bến sông tuổi thơ” là câu chuyện các bạn nhỏ đã cùng nhau có những kỉ niệm tuổi thơ gắn liền với quê hương sông nước bình dị, những kỉ niệm sâu sắc với bạn bè, những món ăn đặc sản của vùng quê. Mỗi thứ đều gắn sâu trong kí ức và gom góp nên sự tự hào trong suy nghĩ, tình cảm của bạn nhỏ ấy.* | | - HS nghe bài hát  - HS nêu cảm nhận  - HS quan sát tranh và miêu tả  - HS lắng nghe và tiếp thu. | |
| **2. Khám phá.**  - Mục tiêu: - Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Bến sông tuỏi thơ”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp với dòng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.  - Cách tiến hành: | | | |
| 2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.  - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết, những sự việc quan trọng, những từ ngữ, chi tiết diễn tả cảm xúc của nhân vật, hình ảnh bến sông quê hương hiện lên trong tâm trí của bạn nhỏ.  - GV HD đọc: Đọc đúng các từ ngữ chưa tiếng dễ phát âm sai    - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV chia đoạn:  + Đoạn 1: Từ đầu đến vì cay  + Đoạn 2: Tiếp theo đến cù lao này.  + Đoạn 3: Tiếp theo chưa đến  + Đoạn 4: Phần còn lại  - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: ( *lững lờ, nước ròng, cù lao…)*  - GV hướng dẫn luyện đọc câu: ( Chiếu đoạn 1 hướng dẫn đọc)  Chiều chiều,/ gió từ phía sông thổi về man mác,/ những bông hoa bần tim tím nở xoè,/ từng cánh hoa thi nhau rơi xuống rồi cuốn trôi theo dòng nước  - GV mời 4 HS đọc nối tiếp đoạn hoàn thành câu chuyện  - GV nhận xét tuyên dương. | | | - Hs lắng nghe GV đọc.  - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát và đánh dấu các đoạn.  - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu.  - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. |
| **3. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  Nhận biết được đặc diểm của nhân vật thể hiện qua tâm trạng, cảm xúc, … Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện. Bước đầu tóm tắt được văn bản.  - Cách tiến hành: | | | |
| 3.1. Giải nghĩa từ:  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.  - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có)  Bần: cây to, mọc ở vùng nước lợ, có rễ phụ nhọn và xốp đâm ngược lên khỏi mặt bùn.  - Cù lao (đảo): vùng đất nổi lên giữa sông hoặc ở biển. | - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.  - HS nghe giải nghĩa từ | | |
| 3.2. Tìm hiểu bài:  - GV gọi HS đọc toàn bài và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,…  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Từ khi sinh ra, những hình ảnh nào của quê hương đã trở nên thân thuộc với bạn nhỏ?  + Câu 2:  Bạn nhỏ đã có những kỉ niệm gì cùng bạn bè trên bến sông tuổi thơ?  + Câu 3: Trong cảm nhận của bạn nhỏ, vẻ đẹp của quê hương hiện lên như thế nào?  + Câu 4: Bạn nhỏ nhắc đến đặc sản gì của quê hương? Chi tiết nào cho thấy bạn rất tự hào về đặc sản đó của quê mình?  Câu 5: Qua bài đọc, em yêu thích hình ảnh nào của vùng đất cù lao? Vì sao?  - GV nhận xét, tuyên dương  3.3. Luyện đọc lại:  - Gv gợi ý cách đọc diễn cảm; Nhóm tổ chức đọc  + HS làm việc theo nhóm góp ý bạn đọc  + Xung phong đọc trước lớp.  3.4. Luyện tập sau khi đọc  - GV cho nhóm đôi thực hiện và tổ chức trình bày trước lớp.  Câu 1: Từ tôi và chúng tôi ở hai đoạn đầu của bài đọc được dùng để chỉ ai? Từ nào chỉ một người, từ nào chỉ nhiều người?  Câu 2: a. Tìm từ có nghĩa giống với từ in đậm trong các câu sau:  Thỉnh thoảng lại nghe những trái bản chín rớt tỏm xuống sông, âm thanh rất đỗi quen thuộc và gần gũi với bọn trẻ sống ở xứ cù lao này.  Mỗi chiều, bọn trẻ chúng tôi tụ năm tụ bảy ở bến sông, vui đùa đủ các trò của tuổi con nít.  Trái bần chua cũng là một “đặc sản” của quê tôi.  b. Qua những từ in đậm ở trên, em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ của nhà văn trong bài Bến sông tuổi thơ? Chọn đáp án đúng.  A. Nhà văn sử dụng từ ngữ gần gũi với trẻ em.  B. Nhà văn dùng từ ngữ phổ biến với nhiều người.  C. Nhà văn sử dụng từ ngữ đậm màu sắc Nam Bộ.  D. Nhà văn dùng những từ ngữ trừu tượng, mơ hồ.  - GV cho HS nhận xét, GV nhận xét, tuyên dương | - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:  + Từ khi sinh ra, hình ảnh dòng sông êm đềm lững lờ con nước, có hàng bần xanh soi bóng nghiêng nghiêng... đã trở nên thân thuộc với bạn nhỏ.  -Bạn nhỏ có kỉ niệm:  - Mỗi chiều, tụ năm tụ bảy ở bến sông, vui đùa đủ các trò của tuổi con nít.  - Thường lấy chén muối ớt hoặc chén mắm đồng rồi rủ nhau hái những trái bần để ăn. Hôm nào lỡ tay cho nhiều ớt quả thì cả bọn vừa ăn vừa hít hà vì cay.  Trong cảm nhận của bạn nhỏ, vẻ đẹp của quê hương hiện lên thông qua hình ảnh những hàng bần nở hoa tím, bắt mắt chờ gió thổi qua. Bên cạnh đó, mùi vị của trái bần chín và hương thơm của canh cá bống sao nấu với trái bần chua cũng làm cho quê hương trở nên đặc biệt và gắn bó trong tâm trí bạn nhỏ.  + Bạn nhỏ nhắc đến đặc sản của quê hương là trái bần và canh cá bống sao nấu với trái bần chua.  Chi tiết cho thấy bạn rất tự hào về đặc sản đó của quê mình: "Trái bần chua cũng là một đặc sản của quê tôi. Vì trái bần mà đem nấu canh chua cá bống sao hay cá bông lau thì khó có món nào ngon hơn được." Sự tự hào này thể hiện qua việc mô tả về hương vị ngon lành của món ăn đặc trưng của quê hương và mong muốn chia sẻ nó với những người đến thăm quê nhà.  + Trong bài đọc, em yêu thích hình ảnh của hàng bần nở hoa tím chờ gió thổi qua. Bởi vì hình ảnh này thể hiện sự tươi mới, sự sống động và vẻ đẹp tự nhiên của vùng đất cù lao.  - Nghe Gv và bạ hướng dẫn đọc.  -Nhóm phân công luân phiên bạn đọc   * 2 -3 HS đọc bài   - Từ "tôi" ở đoạn đầu của bài đọc được dùng để chỉ một người, tức là tác giả của bài thơ.  - Từ "chúng tôi" ở đoạn hai của bài đọc được dùng để chỉ nhiều người, tức là tác giả và nhóm bạn nhỏ của mình.  a. Tìm từ có nghĩa giống với từ in đậm trong các câu sau:  - Rớt: rơi  - Cù lao: đảo nhỏ  - Con nít: trẻ con  - Trái: quả.  b. Qua những từ in đậm ở trên, em thấy cách dùng từ ngữ của nhà văn trong bài Bến sông tuổi thơ rất gần gũi với trẻ em.  A. Nhà văn sử dụng từ ngữ gần gũi với trẻ em.  -Hs nghe | | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm:**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học xong bài học.  - Cách tiến hàn | | | |
| - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Bến sông tuổi thơ”.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà đọc thuộc lòng bài. | | - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | | |

**TOÁN**

**BÀI 5. ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số.

- Vận dụng được việc thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số để giải quyết một số tình huống thực tế..

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi **Kho báu đại dương** để khởi động bài học.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  -Hs lắng nghe |
| **2. Luyện tập***:*  **-** Mục tiêu:  + Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số.  + Vận dụng vào giải bài toán thực tế.  **-** Cách tiến hành: | |
| ***Bài tập 1: Tính***  - GV cho HS làm bài cá nhân vào vở.  - GV mời 2 – 4 HS lên bảng trình bày cách làm (quy đồng mẫu; thực hiện cộng, trừ phân số).  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  ***Bài tập 2:*** *Tính giá trị của biểu thức.*    - GV cho HS đọc đề bài, làm bài cá nhân vào vở.  - Sau khi làm bài, HS đổi vở, chữa bài cho nhau.  - GV mời 1 – 2 HS lên bảng trình bày, cả lớp quan sát bài làm của bạn.  - GV nhận xét, chữa bài và thống nhất kết quả  ***Bài tập 3:*** *Chọn câu trả lời đúng.*  *Hai bạn Nam và Việt cùng chạy thi trên một đoạn đường. Sau một phút, Nam chạy được đoạn đường, Việt chạy được đoạn đường.*    *Vậy sau một phút:*  *A. Nam chạy nhiều hơn Việt đoạn đường.*  *B. Việt chạy nhiều hơn Nam đoạn đường.*  *C. Việt chạy nhiều hơn Nam đoạn đường.*  - GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi (cùng bàn), đọc đề bài và trả lời câu hỏi sau:  *+ Sau một phút, Nam và Việt chạy được bao nhiêu phần đoạn đường?*  *+ Giữa Nam và Việt ai chạy nhanh hơn?*  *+ Muốn biết sau một phút, Việt chạy hơn Nam bao nhiêu phần đoạn đường ta phải làm phép tính gì?*  - Sau khi làm bài, HS đổi vở và chữa bài cho nhau.  - GV mời 1 HS trình bày lời giải, cả lớp chú ý lắng nghe.  - GV nhận xét, chữa bài và thống nhất kết quả. | - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Kết quả:  ;  ;  ;  ;  - HS chữa bài vào vở.  - HS hoàn thành bài tập  - Kết quả:  ***a)***  ;  ***b)***  .  - HS chữa bài vào vở.  - HS quan sát, trả lời câu hỏi:  - Kết quả:  *+ Sau một phút, Nam chạy được đoạn đường; Việt chạy được đoạn đường.*  *+ Ta quy đồng mẫu số hai phân số và được và .*  *Khi đó <*  *Vậy Việt chạy nhanh hơn.*  *+ Muốn biết sau một phút, Việt chạy nhanh hơn Nam bao nhiêu phần đoạn đường, ta thực hiện phép tính trừ hai phân số.*    - HS hoàn thành bài.  - Kết quả:  *Sau một phút, Nam chạy được đoạn đường; Việt chạy được đoạn đường.*  *Ta có:*  *Nên Việt chạy nhanh hơn Nam.*  *Sau một phút, Việt chạy nhiều hơn Nam số phần đoạn đường là:*  *(đoạn đường)*  -Hs lắng nghe |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| ***Hoàn thành BT4***  *Thư viện của trường Tiểu học Nguyễn Du có số sách là sách giáo khoa, số sách là sách tham khảo, còn lại là truyện thiếu nhi và tạp chí. Tìm phân số chỉ số truyện thiếu nhi và tạp chí trong thư viện của trường đó.*  - GV mời 1HS đứng dạy đọc đề bài.  - GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi (cùng bàn), đọc đề bài và trả lời câu hỏi sau:  *+ Số sách trong thư viện được chia làm mấy phần bằng nhau? Phân số chỉ số sách của cả thư viện là gì?*  *+ Phân số chỉ số sách giáo khoa và số sách tham khảo là gì?*  *+ Muốn tìm phân số chỉ số truyện thiếu nhi và tạp chí, ta có thể thực hiện phép tính nào?*  - GV mời đại diện 1 HS trình bày bài giải và cách làm, các nhóm còn lại chú ý lắng nghe.  - GV nhận xét, chữa bài và thống nhất kết quả | - HS suy nghĩ, trả lời.  *+ Số sách trong thư viện chia làm 9 phần bằng nhau. Phân số chỉ số sách đó là: .*  *+ Phân số chỉ số sách giáo khoa và số sách tham khảo là:*  *+ Phân số chỉ số sách thiếu nhi và tạp chí là:*  - Kết quả:  *Bài giải*  *Phân số chỉ số truyện tranh và tạp chí trong thư viện của trường Tiểu học Nguyễn Du là:*  *(số sách)*  *Đáp số: số sách.*  - HS chữa bài vào vở. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ: PHÁT HUY**

**TRUYỀN THỐNG NHÀ TRƯỜNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nêu được những việc cần làm để góp phần xây dựng; phát huy truyền thống nhà trường.

- Xác định được các việc làm phù hợp với bản thân để phát huy truyền thống nhà trường.

*- Năng lực thích ứng với cuộc sống*: Thực hiện những việc làm để góp phần xây dựng,

phát huy truyền thống trường em.

1. **Năng lực chung:**

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học*: Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm**:** Có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trong các hoạt động và các hoạt động trong nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

- Cây hoa dân chủ (cây thật) có gắn các bông hoa nhiều màu sắc. Trên mỗi bông hoa có viết một câu hỏi, một yêu cầu về truyền thống nhà trường.

**2. Đối với học sinh**

- SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng  - Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới. | |
| **b. Cách tiến hành**  - GV cho HS xem video về Video “Kế thừa và phát huy truyền thống hiếu học của dân tộc”  - GV đặt câu hỏi:  *+ Video đề cập đến truyền thống nào của dân tộc ta nói chung và các trường học nói riêng?*  *+ Em đã làm gì để phát huy truyền thống này?*  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét, chốt đáp án*:*  *+ Video đề cập đến truyền thống hiếu học.*  *+ Một số việc làm phát huy truyền thống em đã làm: học và làm bài trước khi đến lớp, tìm hiểu và đọc sách,...*  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: *Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé –* ***Tuần 2 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Phát huy truyền thống nhà trường.***  **B. Thực hành, luyện tập:**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Thể hiện được hiểu biết của mình về truyền thống nhà trường.  - Phát triển năng lực giao tiếp cho HS thông qua trò chơi.  **Hoạt động 1: Cùng chơi Hái hoa dân chủ**  **b. Cách tiến hành:**  - GV chuẩn bị cây hoa dân chủ có gắn nhiều bông hoa. Trên mỗi bông hoa có viết một câu hỏi về truyền thống của trường.  - GV mời một số HS làm quản trò.  - GV phổ biến cách chơi Hái hoa dân chủ.:  + HS xung phong lên lựa chọn ngẫu nhiên một bông hoa.  + HS trả lời câu hỏi được viết trên bông hoa.  - Câu hỏi dự kiến ghi trong bông hoa có thể là:  *+ Hãy nêu ý nghĩa của tên trường mình?*  *+ Trường mình được thành lập vào năm nào?*  *+ Em biết những truyền thống nào của nhà trường?*  *+ Nơi đâu trong trường học lưu giữ những truyền thống nhà trường?*  *+ Em ấn tượng với truyền thống nào của nhà trường?*  *+ Em đã tham gia phát huy truyền thống nào của nhà trường chưa? Đó là truyền thống nào?*  *+ Em có cảm giác gì khi tham gia phát triển truyền thống nhà trường?*  *+ Truyền thống uống nước nhớ nguồn của trường em thể hiện qua hoạt động nào?*  *+ Theo em vì sao lại có ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11?*  *+ Em đã tham gia hoạt động nào trong dịp kỉ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20-11?...*  *+ Giới thiệu về truyền thống hiếu học của nhà trường.*  - GV mời HS hái hoa và trả lời câu hỏi. HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lí và khen ngợi HS:  *+ Truyền thống nào của nhà trường: uống nước nhớ nguồn, tôn sư trọng đạo, hiếu học...*  *+ Phòng truyền thống là nơi lưu giữ những truyền thống nhà trường.*  *+ Truyền thống uống nước nhớ nguồn thể hiện qua hoạt động kỉ niệm ngày 20-11, ngày 27/7,...*  *+ Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11 là để tôn vinh những đóng góp của thầy cô, đông thời là cơ hội để HS bày tỏ lòng biết ơn, truyền thống tôn sư trọng đạo, uống nước nhớ nguồn.*  *+ Một số hoạt động tham gia ngày 20-11: biểu diễn văn nghệ, vẽ báo tường,...*  - GV cho HS chơi trò chơi **Phóng viên nhí** để mời một số học sinh chia sẻ cảm xúc của bản thân sau khi tham gia.  Kết luận: GV khen ngợi HS đã tích cực nhiệt tình tham gia trò chơi và thể hiện được hiểu biết của bản thân về truyền thống nhà trường**.**  **Hoạt động 2: Thảo luận về những việc làm để phát huy truyền thống nhà trường**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS xác định được những việc làm phù hợp với bản thân để góp phần phát huy truyền thống nhà trường.  **b. Cách tiến hành:**  ***Nhiệm vụ 1: Thảo luận về những việc làm để phát huy truyền thống nhà trường***  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4 – 6 HS  - GV yêu cầu HS: *Thảo luận về những việc cần làm để góp phần xây dựng, phát huy truyền thống nhà trường.*  - GV chia mỗi nhóm thảo luận những việc cần làm để phát huy một truyền thống nhà trường.  - GV gợi ý cho HS một số truyền thống cụ thể để thảo luận:  *+ Tôn sư trọng đạo.*  *+ Hiếu học.*  *+ Tương thân tương ái...*  - GV khuyến khích HS trình chiếu thêm các tranh, ảnh để phần thảo luận thêm sinh động.  - GV gợi ý cho HS cách trình bày bằng sơ đồ cho phần thảo luận.  ***Nhiệm vụ 2: Trao đổi về kết quả hoạt động.***  - GV mời đại diện HS một số nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và ghi nhận kết quả hợp lí.  ***Nhiệm vụ 3: Xác định các việc làm phù hợp với bản thân để phát huy truyền thống nhà trường.***  - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để xác định những việc làm phù hợp với bản thân để phát huy truyền thống nhà trường.  - GV hướng dẫn HS dựa vào phần thảo luận để làm việc.  - GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV ghi nhận và khuyến khích HS thực hiện việc làm phù hợp để phát huy truyền thống tốt đẹp của nhà trường:  *+ Tích cực tìm hiểu và tuyên truyền về truyền thống của nhà trường.*  *+ Tham gia ủng hộ, giúp đỡ các bạn HS, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.*  *+ Chăm chỉ học tập, rèn luyện, thi đua, cổ vũ nhau cùng tiến bộ...*  **C. Vận dụng, trải nghiệm:**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức đã học về truyền thống nhà trường  **b. Cách tiến hành**  Cho HS chơi trò chơi ***Ai nhanh, Ai đúng.***  - GV chiếu các câu hỏi trên màn hình  Câu 1: Ngày lễ nào sau đây thể hiện truyền thống tôn sư trọng đạo?  A. Kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.  B. Kỉ niệm ngày Thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12.  C. Kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.  D. Kỉ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.  Câu 2: Đâu **không** phải là hành động phát huy truyền thống hiếu học?  A. Xây dựng góc đọc sách.  B. Chăm chỉ học tập.  C. Ghi nhớ công lao của thầy cô.  D. Tổ chức chơi theo nhóm.  Câu 3: Đâu **không** phải truyền thống của nhà trường?  A. Uống nước nhớ nguồn  B. Ăn vóc học hay  C. Hiếu học  D. Tôn sư trọng đạo  Câu 4: Đâu là hành động phát huy truyền thống tương thân tương ái?  A. Tham gia các hoạt động ngoài giờ ở trường.  B. Yêu quý và lễ phép với thầy cô.  C. Tự giác học và làm bài trước khi đến lớp.  D. Đóng góp ủng hộ các bạn học sinh vùng núi.  **\* Củng cố:**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* Dặn dò:**  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.  + Tìm hiểu việc làm phát huy truyền thống nhà trường. | - HS nghe bài hát.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học.  - HS làm quản trò.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn.  - HS hái hoa dân chủ.  - HS hái hoa và trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chia sẻ cảm xúc của mình  - HS nghe  - HS tham gia hoạt động nhóm trình bày kết quả theo sơ đồ tư duy hay sơ đồ tranh ảnh, đoạn văn… tuỳ sự sáng tạo của từng nhóm .  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS lắng nghe, tham khảo.  - HS trưng bày sản phẩm theo kĩ tuật **Phòng tranh**  - HS tham quan kết quả thảo luận các nhóm và bình chọn  Đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận  - HS trình bày.  - HS quan sát, tiếp thu.  - HS làm việc cá nhân.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS trình bày.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  -HS đọc và nhanh trả lời . Nếu trả lời đúng được thưởng một tràng pháo tay.  + Đáp án A  - Hs chơi trò chơi.  + Đáp án D  + Đáp án B  + Đáp án D  - HS lắng nghe, ghi chú. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

..……………………………………………………………………………………………………………………………………………….…….……..………………………………………..

Thứ năm ngày 19 tháng 9 năm 2024

**TOÁN**

**BÀI 5: ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số.

- Vận dụng được việc thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số để giải quyết một số tình huống thực tế..

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi “chiếc hộp may mắn”  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:*  **-** Mục tiêu:  + Thực hiện được nhân, chia phân số.  **-** Cách tiến hành: | |
| ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *Tính.*    - GV cho HS làm bài vào vở; mời 2 – 4 HS lên bảng trình bày (cách nhân hai phân số, cách chia hai phân số).  - GV nhận xét, chữa bài, thống nhất kết quả và tuyên dương HS.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  *Tìm phân số thích hợp.*  *Để trang trí tấm biển quảng cáo có dạng hình vuông, người ta gắn sợi dây đèn một vòng xung quanh tấm biển đó. Biết độ dài sợi dây đèn là 18 m thì vừa đủ gắn.*    *a) Độ dài các cạnh của tấm biển quảng cáo đó là* ***?*** *m.*  *b) Diện tích của tấm biển quảng cáo đó là* ***?*** *m.*  - GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi (cùng bàn) để trả lời câu hỏi sau:  *+ Độ dài sợi dây đèn có phải chu vi của biển quảng cáo không?*  *+ Muốn tính độ dài cạnh của hình vuông ta làm phép tính gì?*  - GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả, các nhóm còn lại chú ý lắng nghe.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  *Tính giá trị của biểu thức.*    - GV cho HS đọc đề bài, làm bài cá nhân vào vở.  - GV yêu cầu HS đổi vở cho nhau, nói cho nhau cách làm và nhận xét câu trả lời của bạn.  - GV mời đại diện 1 HS trình bày kết quả, cả lớp chú ý lắng nghe.  - GV nhận xét, chữa bài và thống nhất kết quả  ***Hoàn thành BT4***  *Một tấm kính dạng hình chữ nhật có chiều dài m, chiều rộng m. Chú Hoà chia tấm kính đó thành 3 phần băng nhau (như hình vẽ) để làm mặt bàn. Tính diện tích mỗi phần tấm kính làm mặt bàn.*    - GV mời 1HS đọc đề bài.  - GV cho HS thảo luận cặp đôi để đưa cách làm bài toán. GV khuyến khích HS cho nhiều cách làm khác nhau.  - Sau khi thảo luận, HS làm bài cá nhân vào vở, đổi vở và nói cho nhau kết quả.  - GV mời đại diện nhóm lên trình bày lời giải, cả lớp chú ý lắng nghe.  - GV nhận xét, chữa bài và thống nhất kết quả.  - GV nhận xét, chữa bài và thống nhất kết quả. | - HS quan sát, thực hiện theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Ta có:*  *;*  *;*  *;*  *.*  - HS chữa bài vào vở.  - HS suy nghĩ và trả lời:  *+ Độ dài sợi dây chính là chu vi của biển quảng cáo.*  *+ Muốn tính độ dài cạnh của tấm biển quảng cáo ta thực hiện phép tính chia.*  *18 : 4 = (m)*  - Kết quả:  ***a)*** *Độ dài của tấm biển quảng cáo đó là (m).*  ***b)*** *Diện tích tấm biển quảng cáo đó là (m2).*  - HS chữa bài vào vở.  - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Kết quả:  ***a)***  .  ***b)***  .  - HS chữa bài vào vở.  - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  *Cách 1:*  *+ Tính diện tích phần tấm kính ban đầu.*  *+ Tính diện tích phần tấm kính làm mặt bàn.*  *Cách 2:*  *+ Tính chiều rộng của tấm kính làm mặt bàn.*  *+ Tính diện tích của tấm kính làm mặt bàn.*  - Kết quả:  *Bài giải*  *Chiều rộng của mỗi phần tấm kính là:*  *(m)*  *Diện tích mỗi phần tấm kính là:*  *(m2)*  *Đáp số: m2.*  - HS chữa bài vào vở. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm:**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| ***Hoàn thành BT5***  *Tính bằng cách thuận tiện.*    - GV cho HS làm bài cá nhân vào vở; đổi vở chữa bài; nói cách làm và kết quả cho bạn cùng bàn nghe.  - GV mời 1HS trình bày kết quả.  - GV nhận xét, chữa bài và thống nhất kết quả. | - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Ta có:*  *.*  - HS chữa bài vào vở. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 3. VIẾT**

**Bài: VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết viết bài văn bài văn kể chuyện sáng tạo theo dàn ý đã lập.

- Biết giới thiệu về những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện đã đọc, đã nghe, hiểu và trình bày được tác dụng của những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện.

- Biết đánh giá bạn cách vết hay có câu chuyện hấp dẫn.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng làm bài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng yêu quý cảnh vật xung quanh

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV cho học sinh quan sát 3 bức tranh và yêu cầu: Nhận xét nhanh về cách sáng tạo, cách sử dụng từ ngữ trong 3 đoạn văn tham khảo:  - GV mời các nhóm chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá  - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới. | - HS làm theo hướng dẫn của GV.  + Đoạn 1: sáng tạo thêm chi tiết tả bầu trời, sáng tạo thêm lời thoại. Các từ ngữ được dùng rất sinh động, giàu hình ảnh.  + Đoạn 2: thêm chi tiết cho kết thúc của câu chuyện (thay đổi cách kết thúc của câu chuyện).  + Đoạn 3: đóng vai nhân vật cá vàng để kể lại câu chuyện. Các từ ngữ được dùng rất sinh động để tự bộc lộ cảm xúc và tự kể lại các hoạt động của nhân vật cá vàng (tung tăng, bỗng nhiên, bị cuốn phăng, hốt hoảng, bị nhấc bổng lên,...), từ ngữ phỏng đoán cũng được sử dụng khi nói về cảm xúc của nhân vật ông lão (vẻ thất vọng, có lẽ vì).  - Hs lắng nghe | | |
| **2. Khám phá.**  - Mục tiêu:  + Biết giới thiệu về những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện đã đọc, đã nghe, hiểu và trình bày được tác dụng của những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện.  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| Bài 1: Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động viết ở bài 3, viết bài văn theo yêu cầu của đề bài.  - GV mời 1 HS đọc 2 đề văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.  - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu đã viết  - HS đọc lưu ý SGK và xem lại dàn ý đã lập: - Khi thêm lời kể, tả, thêm lời thoại hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện, cần lựa chọn chi tiết sáng tạo hấp dẫn, thú vị và phù hợp với nội dung câu chuyện.  - Khi đóng vai kể chuyện, cần chọn cách xưng hô phù hợp và kể, tả sự việc theo đúng cảm xúc của nhân vật mà em đóng vai.  - HS đọc các đoạn văn trong SGK để tham khảo cách viết.  - Mời cả lớp nhận xét nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết | | - 1 HS đọc 2 đề bài; Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  - HS đọc yêu cầu và gợi ý trước lớp  - HS làm việc cá nhân tự đọc SGK và nêu cách viết  - Cả lớp nhận xét nhận xét.  - HS lắng nghe. | |
| Bài 2: Hỗ trợ HS trong quá trình viết  - Đọc soát và chỉnh sửa.  - Giới thiệu được câu chuyện một cách hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc.  - Kể chuyện với chi tiết sáng tạo độc đáo nhưng không làm thay đổi nội dung chính, ý nghĩa của câu chuyện gốc.  - HS viết bài văn vào vở. GV quan sát, giúp đỡ  - GV nhận xét nhanh một số bài của HS – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong khi viết bài | | -HS đọc soát và chỉnh sửa theo gợi ý.  -Viết vào vở ( Dựa vào dàn ý)  -Nghe Gv nhận xét | |
| **3. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Biết đánh giá và tôn trọng những bạn có câu chuyện hạy, có cách giới thiệu hấp dẫn.  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| Bài 3. Góp ý và chỉnh sửa  - GV mời 2 -3 HS đọc bài viết  - HĐ nhóm trao đổi, góp ý bài viết của bạn  - GV mời cả lớp nghe và góp ý, chỉnh sửa  - GV cho HS đọc bài viết của 1 bạn sau khi sửa hoàn chỉnh.  - GV nhận xét, tuyên dương. | | | - HS đọc.  - Nhóm đôi chỉnh sửa bài viết cho bạn vè bó cục, nội dung, trình tự xảy ra sự việc...  - 4-5 HS đọc bài viết; Cả lớp lắng nghe.  - HS nhận xét, bổ sung. |
| 4. Vận dụng trải nghiệm.  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:  Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết bài văn sáng tạo cho câu chuyện.  - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn:  - Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết bài văn sáng tạo cho câu chuyện.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

Thứ sáu ngày 20 tháng 9 năm 2024

**TOÁN**

**BÀI 5. ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số.

- Vận dụng được việc thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số để giải quyết một số tình huống thực tế..

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV mở bài hát vui nhộn cho hs vận động  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS nghe nhạc và vận động  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:*  **-** Mục tiêu:  + Thực hiện phép cộng, trừ, nhân, chia phân số.  **-** Cách tiến hành: | |
| ***Hoàn thành BT1***  *Đ,S?*    - GV cho HS đọc yêu cầu, làm bài cá nhân, ghi kết quả vào vở, đổi vở và nói cách làm cho bạn cùng bàn.  - GV mời 1 HS lên bảng trình bày, nói rõ cách làm.  - GV nhận xét, chữa bài cho HS.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  *Tính giá trị của biểu thức.*    - GV cho HS đọc đề bài, làm bài cá nhân vào vở.  - GV yêu cầu HS đổi vở cho nhau, nói cho nhau cách làm và nhận xét câu trả lời của bạn.  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trình bày kết quả, cả lớp chú ý lắng nghe.  - GV nhận xét, chữa bài và thống nhất kết quả.  ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  *Hưởng ứng phong trào quyên góp sách vào thư viện trường học, lớp 5A quyên góp được 96 quyển sách, lớp 5B quyên gớp được số quyển sách bằng số quyển sách của lớp 5A. Hỏi cả hai lớp quyên góp được bao nhiêu quyển sách.*  - GV mời 1HS đọc đề bài.  - GV cho HS thảo luận và nhận biết các bước làm bài.  - Sau khi thảo luận, HS làm bài cá nhân vào vở, đổi vở và nói cho nhau kết quả.  - GV mời đại diện nhóm lên trình bày lời giải, cả lớp chú ý lắng nghe.  - GV nhận xét, chữa bài và thống nhất kết quả.  ***Hoàn thành BT4***  *Tính bằng cách thuận tiện.*    - GV cho HS làm bài cá nhân vào vở; đổi vở chữa bài; nói cách làm và kết quả cho bạn cùng bàn nghe.  - GV mời 1HS trình bày kết quả.  - GV nhận xét, chữa bài và thống nhất kết quả. | - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Kết quả:  ***a)*** Đ  ***b)*** S  ***c)*** Đ  ***d)*** Đ  - HS chữa bài vào vở.  - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Kết quả:  ***a)*** .  ***b)*** .  - HS chữa bài vào vở.  - HS thảo luận và đưa ra các bước làm:  *+ Tính số quyển sách lớp 5B quyên góp được.*  *+ Tính số quyển sách cả hai lớp quyên góp.*  - Kết quả:  *Bài giải*  *Lớp 5B quyên góp được số quyển sách là:*  *96 = 84 (quyển sách)*  *Cả hai lớp quyên góp được số quyển sách là:*  *96 + 84 = 180 (quyển sách)*  *Đáp số: 180 quyển sách.*  - HS chữa bài vào vở.  - HS trả lời:  *Sử dụng tính chất phân phối giữa phép nhân và phép cộng:*  - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Kết quả:  *.*  - HS chữa bài vào vở. |
| **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| ***Hoàn thành BT5***  ***Đố em!***    - GV hướng dẫn HS :  *Ta có: và*  *Vậy nếu chia 1 m thành 6 phần bằng nhau thì m có 4 phần, còn m có 3 phần.*  *Để xác định 1 phần ta gập đôi 2 lần đoạn băng dài m.*  - Sau khi thảo luận, GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả, nêu rõ cách làm.  - GV nhận xét, chữa bài và chốt đáp án | - HS quan sát, theo dõi GV hướng dẫn.  - HS hoàn thành bài.  - Kết quả:  *Ta làm như sau:*  *Gập đôi băng giấy dài m, rồi lại gập đôi tiếp để cho băng giấy dài m thành 4 phần bằng nhau, cắt lấy 3 phần được m tức là m.*  - HS chữa bài vào vở. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |
|  | |

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 4. NÓI VÀ NGHE: NHỮNG CÂU CHUYỆN THÚ VỊ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết trao đổi ý kiến về những chi tiết thú vị có trong câu chuyện mà mình yêu thích.

- Biết đánh giá và tôn trọng những bạn kể được câu chuyện thú vị với những chi tiết thú vị, những bạn có cách trình bày hấp dẫn.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng trình bày trước lớp

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Góp phần hình thành phẩm chất yêu nước và trách nhiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV chiếu một đoạn văn cho HS đọc và nêu hiểu biết của mình về cách viết đoạn văn đã đọc  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. | - HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình.  - HS lắng nghe. | | |
| **2. Khám phá.**  - Mục tiêu:  + Biết trao đổi ý kiến về những chi tiết thú vị có trong câu chuyện mà mình yêu thích.  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| Bài 1: Chuẩn bị.  - GV mời học sinh đọc yêu cầu  - GV HD:  + Nhớ lại câu chuyện đã được đọc, được nghe mà em thích.  + Làm việc cá nhân:  - HS Ghi chép ý kiến mình định phát biểu.  - GV theo dõi nhận xét chung, | | - 1 HS đọc yêu cầu  - HS làm việc cá nhân:  + Nhớ lại câu chuyện em yêu thích: tên câu chuyện, tên tác giả, nội dung câu chuyện.  + Liệt kê các chi tiết thú vị trong câu chuyện....  - Thực hiện ghi chép  - HS lắng nghe. | |
| Bài 2: Thảo luận  - Gọi 2 Hs đọc lại yêu cầu của bài học  - HD HS thảo luận nhóm  + Người điều hành nêu các nội dung cần thảo luận  + Từng thành viên nêu ý kiến đã chuẩn bị  + Nhóm nhận xét, cử bạn trình bày trước lớp  -Tiến hành trình bày trước lớp  - GV cho HS điều hành, rút kinh nghiệm. | | - 2 HS đọc  -Nhóm thảo luận các nội dung  + Giới thiệu tên nội dung chính của câu chuyện.  + Chia sẻ những chi tiết thú vị có trong câu chuyện  + Nêu suy nghĩm cảm xúc của mình về những chi tiết thú vị trong câu chuyện.  -Đại diện trình bày – Lớp nhận xét  -Bạn điều hành tổng hợp các ý kiến và rút kinh nghiệm về buổi thảo luận. | |
| **3. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Viết bài văn mình đã chọn  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| Bài 3. Đánh giá  - GV cho HS bình chọn  - GV đánh giá kết quả học tập của Hs  - GV giới thiệu thêm một số câu chuyện thú vị khác để Hs biết mà tìm đọc. | | | - Hs tham gia bình chọn  - Nghe GV đánh giá  - Theo dõi GV giới thiệu để tìm đọc. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:  Em tiến hành chia sẻ với người thân của em và trao đổi về câu chuyện em nghe thú vị nhất  - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn:  - Em chia sẻ với người thân của em và trao đổi về về câu chuyện em nghe thú vị nhất và lắng nghe ý kiến của người thân.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**Bài 1: ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT (Tiết 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS nêu được tác hại của xói mòn đất và các biện pháp phòng chống xói mòn đất.

- HS nêu được một số việc làm nhằm góp phần phòng chống ô nhiễm đất ở gia đình và địa phương.

- HS đề xuất, vận động mọi người và thực hiện được những việc làm để bảo vệ môi trường đất.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống; biết cách làm thí nghiệm để chứng minh trong đất có chứa nước và không khí thông qua quan sát; giải thích được việc làm cho đất tơi xốp của người trồng cây trong thực tế.

- Năng lực tự học: HS làm được thí nghiệm đơn giản để tìm hiểu về xói mòn đất.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê tìm tòi khoa học.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu, tranh ảnh, clip về ô nhiễm đất, xói mòn đất, một số đồ dùng thí nghiệm.

**2. HS:**

- Bút dạ, một số khối đất khô và lọ nước có miệng rộng để dễ quan sát.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động**  **a) Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Nhắc lại kiến thức cũ, giới thiệu bài mới.  **b) Cách thực hiện:** | |
| - GV cho HS nêu những nguyên nhân gây xói mòn đất.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe. |
| **B. Khám phá:**  **a) Mục tiêu:**  - HS nêu được tác hại của xói mòn đất và các biện pháp phòng chống xói mòn đất.  **b) Cách thực hiện:** | |
| **3. Xói mòn đất và biện pháp phòng chống xói mòn đất (tiếp)**  \* Tác hại của xói mòn đất  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, thảo luận theo nhóm nêu tác hại của đất bị xói mòn đối với đời sống con người.  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét.  \* Biện pháp chống xói mòn đất  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, suy nghĩ, chia sẻ với bạn:  + Các biện pháp phòng chống xói mòn đất.  + Nêu tác hại của xói mòn đất.  - GV gọi HS chia sẻ.  - GV cho nhận xét. | - HS quan sát tranh, thảo luận theo nhóm, nêu:  + Làm trôi lớp đất mặt có nhiều chất dinh dưỡng, gây ra hiện tượng sạt lở đất, ...  + Ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái, đến môi trường sống của các loài sinh vật, gây nhiều thiệt hại về người và của.  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát tranh, suy nghĩ rồi chia sẻ với bạn:  + Làm ruộng bậc thang, tích cực trồng cây, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, hạn chế chặt phá rừng, ...  + Gây ảnh hưởng đến cân bằng sinh thái, ảnh hưởng đến kết cấu đất, làm mất lớp đất màu để canh tác, làm cây nghiêng ngả, gãy đổ, …  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe. |
| **C. Thực hành, luyện tập**  **a) Mục tiêu:**  - HS đề xuất, vận động mọi người và thực hiện được những việc làm để bảo vệ môi trường đất.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - GV cho HS thảo luận theo nhóm về các ND:  + Nêu những tác hại của đất bị ô nhiễm đối với con người, thực vật, nguồn nước, …  + Nêu cảm nghĩ của em về tình trạng ô nhiễm môi trường đất ở VN hiện nay.  - GV cho HS chia sẻ kết quả thảo luận.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực. | - HS thảo luận theo nhóm rồi chia sẻ:  + Với con người: ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến sức khỏe của con người.  Với thực vật: đất bị ô nhiễm làm cho thực vật sinh trưởng và phát triển kém.  Với nguồn nước: chất độc hại từ đất thấm vào nguồn nước, làm ô nhiễm nguồn nước.  + HS chia sẻ.  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe. |
| **D. Vận dụng, trải nghiệm:**  **a) Mục tiêu:**  - HS củng cố kiến thức sau bài học.  - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau bài học.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - GV cho HS chia sẻ trước lớp:  + Nêu những việc mà em cùng người thân đã làm để góp phần bảo vệ môi trường đất.  - GV cho HS chia sẻ trước lớp.  - GV cho nhận xét, tuyên dương HS tích cực tham gia các hoạt động học tập.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước bài sau. | - HS chia sẻ trước lớp:  + Em cùng bố mẹ trồng cây xanh, quyên góp tiền ủng hộ các dự án trồng rừng, hạn chế vứt rác thải bừa bãi, …  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ**

**Bài 2: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Trình bày được một số đặc điểm của sông ngòi ở Việt Nam.

- Trình bày được một số đặc điểm của đất và rừng ở Việt Nam.

**2. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

- Chăm chỉ: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam hoặc lược đồ hình 1 trang 11 SGK.

- Một số hình ảnh minh họa về vai trò của tài nguyên thiên nhiên và khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống (nếu có).

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.

**2. Học sinh**

- SGK, tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:** | |
| - Cho HS xem video về cảnh sông nước Việt Nam và nêu cảm nhận của bản thân.  - Để biết được những ý kiến các em vừa nêu có đúng hay không? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu phần tiếp theo của bài 2: Thiên nhiên Việt Nam | - Nhiều con sông lớn nhỏ khác nhau, sông có nhiều nhánh, mạng lưới sông dày đặc,…  - Lắng nghe, ghi bài. |
| **B. Khám phá:**  \*Mục tiêu:  - Trình bày được một số đặc điểm của sông ngòi ở Việt Nam.  - Trình bày được một số đặc điểm của đất và rừng ở Việt Nam.  \*Cách tiến hành: | |
| **1. Đặc điểm thiên nhiên**  ***c) Tìm hiểu về sông ngòi ở Việt Nam*** |  |
| - Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp để thực hiện nhiệm vụ sau: Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2 trang 11, 12 SGK, em hãy:  + Trình bày một số đặc điểm sông ngòi ở Việt Nam.  + Kể tên và chỉ trên lược đồ một số sông lớn của Việt Nam theo thứ tự từ bắc vào nam. | - Các nhóm trao đổi sau đó trình bày ý kiến của nhóm.  - Việt Nam có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước; tuy nhiên có ít sông lớn. Sông ngòi nước ta có lượng nước thay đổi theo mùa và có nhiều phù sa.  - Sông Hồng, sông Đà, sông Mã, sông Cả, sông Ba, sông Đồng Nai, sông Tiền, sông Hậu,... |
| - Bước 2: Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp. HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời và cách chỉ lược đồ/ bản đồ.  *Gợi ý HS:* Tên một số sông lớn của Việt Nam theo thứ tự từ bắc vào nam: sông Hồng, sông Đà, sông Mã, sông Cả, sông Ba, sông Đồng Nai, sông Tiền, sông Hậu,... |  |
| - Bước 3: GV nhận xét và tổng kết: Việt Nam có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước; tuy nhiên có ít sông lớn. Sông ngòi nước ta có lượng nước thay đổi theo mùa và có nhiều phù sa. | - Lắng nghe. |
| ***d) Tìm hiểu về đất và rừng ở Việt Nam*** |  |
| - Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 để thực hiện nhiệm vụ sau:  Đọc thông tin và quan sát các hình từ 3 đến 6, em hãy hoàn thành bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Phân bố | Đặc điểm | | LOẠI ĐẤT | | | | Phe-ra-lít |  |  | | Phù sa |  |  | | KIỂU RỪNG | | | | Rừng rậm nhiệt đới |  |  | | Rừng ngập mặn |  |  | | - HS lắng nghe và thực hiện yêu cầu vào phiếu học tập. |
| - Bước 2: Đại diện một nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp. Một số nhóm khác nhận xét, bổ sung sản phẩm của nhóm báo cáo. |  |
| - Bước 3: GV nhận xét và tổng kết:  + Việt Nam có nhiều loại đất. Hai loại đất chiếm diện tích lớn hơn cả là đất phe-ra-lit và đất phù sa.  + Việt Nam có nhiêu kiểu rừng, trong đó rừng rậm nhiệt đới và rừng ngập mặn chiếm diện tích lớn.  Lưu ý: Tùy tình hình cụ thể về khả năng học tập của HS, GV có thể không đi theo trình tự tổ chức các hoạt động dạy học như mục 1 mà có thể tổ chức cho mỗi nhóm tìm hiểu đặc điểm của ít nhất một yếu tố tự nhiên, sau đó trình bảy kết quả để tổng hợp nên đặc điểm thiên nhiên của Việt Nam. |  |
| 1. **Vận dụng, trải nghiệm:** |  |
| - Theo em sông ngòi ở nước ta là những con sông dài hay ngắn? | - Ngắn và dốc |
| - Vì sao sông ngòi ở nước ta ngắn và dốc? | - Do địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi, hình dạng lãnh thổ hẹp ngang nên sông ngòi nước ta chủ yếu là các con sông nhỏ, ngắn và dốc. |
| - Nhận xét, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học. | - Nhận xét. |
| - Yêu cầu HS về xem lại bài và chuẩn bị phần tiếp theo của bài. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

.........................................................................................................................................

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**SINH HOẠT LỚP: SÁNG TẠO SẢN PHẨM GIỚI THIỆU VỀ**

**TRUYỀN THỐNG TRƯỜNG EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1.Năng lực đặc thù:***

*- Năng lực thích ứng với cuộc sống*: - Nêu được ưu, nhược điểm của mình, của bạn, của lớp trong tuần qua

-HS sáng tạo được sản phẩm giới thiệu về truyền thống nhà trường.

-Thể hiện được sự tự hào về truyền thống nhà trường thông qua sản phẩm sáng tạo.

***2.Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học*: Tự làm được sản phẩm giới thiệu về truyền thống nhà trường.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy sáng tạo khi khi tạo ra sản phẩm

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm, chăm chỉ:Có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trong các hoạt động và các hoạt động trong nhóm, chăm chỉ làm việc .

\* Tích Hợp ATGT: Bài 2. Phòng tránh tai nạn giao thông nơi tầm nhìn bị che khuất.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

- Các phim tư liệu về truyền thống nhà trường.

**2. Đối với học sinh**

- SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5, tranh ảnh , tư liệu về truyền thống nhà trường

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:**  - Cho HS hát và vận động theo nhạc bài : Trường làng em  - GV giới thiệu bài  **B. Thực hành, luyện tập:**  **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS tổng kết được những việc đã làm được trong tuần vừa qua.  **b. Cách tiến hành**  - GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 2 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 3.  - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.  **Hoạt động 2: Sáng tạo sản phẩm giới thiệu về**  **truyền thống trường em**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Sáng tạo được sản phẩm giới thiệu về truyền thống nhà trường.  - Thể hiện được sự tự hào về truyền thống nhà trường thông qua sản phẩm sáng tạo.  **b. Cách tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Tiến hành sáng tạo sản phẩm theo gợi ý.***  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm và yêu cầu: *Thiết kế, sáng tạo sản phẩm giới thiệu về truyền thống nhà trường.*  - GV hướng dẫn HS:  *+ Nội dung sản phẩm cần giới thiệu được về truyền thống nhà trường:*   * *Tên truyền thống.* * *Những nét nổi bật của truyền thống.* * *Ý nghĩa/ giá trị của truyền thống...* * *Một số truyền thống tham khảo: tôn sư trọng đạo, uống nước nhớ nguồn, tương thân tương ái, dạy tốt – học tốt...*   *+ Hình thức thể hiện:*   * *Phim tư liệu.* * *Tiểu phẩm.* * *Tập san.* * *Áp phích...*   - GV tổ chức cho HS các nhóm tiến hành sáng tạo sản phẩm.  ***Nhiệm vụ 2. Giới thiệu sản phẩm với các bạn***  - GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả trước lớp.  - GV cùng HS còn lại nhận xét, đánh giá sản phẩm.  - GV khen ngợi các nhóm đã làm được những sản phẩm sáng tạo, ấn tượng.    - GV tổng kết hoạt động.   1. **Vận dụng, trải nghiệm:**   +Nhắc HS thực hiện những việc làm góp phần xây dựng, phát huy truyền thống nhà trường.  \* Phòng tránh tai nạn giao thông nơi tầm nhìn bị che khuất.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc HS:  + Chuẩn bị tổ chức sự kiện Phát huy truyền thống trường em theo kế hoạch đã xây dựng.  + Chuẩn bị trước ***Chủ đề 1 – Tuần 3.*** | * Hát, vận động theo nhạc   - HS chú ý lắng nghe  - Các cán bộ lớp tổ chức nhận xét các hoạt động trong tuần 2 và nêu kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 3.  - HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.  - HS thảo luận nêu ý tưởng .  - HS lắng nghe, thực hiện.  Các nhóm giới thiệu sản phẩm của nhóm mình trước lớp.  -Các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bày tỏ cảm nhận về sản phẩm của nhóm bạn.  - HS lắng nghe.  - HS về tiếp tục thực hiện những việc làm góp phần xây dựng, phát huy truyền thống nhà trường.  -Tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - HS lắng nghe, tiếp thu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.……………………………………………………………………………………………………………………………………………….…….……..………………………